

DI SẢN VĂN HÓA CUNG ĐÌNH THỜI NGUYỄN - MỘT BỘ PHẬN VÔ GIÁ CỦA DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THẾ HÙNG*

TÓM TẮT

Huế không chỉ là trung tâm chính trị mà còn là trung tâm văn hóa dưới triều Nguyễn (1802 - 1945), vương triều cuối cùng của lịch sử Việt Nam. Trong hơn 100 năm tồn tại, triều Nguyễn đã để lại một hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể quý giá, tiêu biểu cho trí tuệ và sự sáng tạo của dân tộc Việt Nam. Từ việc nêu lên những giá trị nổi bật hàm chứa trong di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn, tác giả đã đưa ra những đề xuất/định hướng cho việc bảo tồn gắn với phát huy, phát triển một cách bền vững.

Từ khóa: di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn; bảo tồn; phát triển bền vững.

ABSTRACT

Hue was not only the political but also the cultural centre under the Nguyen Dynasty (1802 - 1945), the last royal Dynasty of Vietnamese history. For over 100 years of existence, Nguyen Dynasty has left system of precious tangible and intangible heritage, represented for wisdom and creativity of Vietnam's people. From raising these outstanding values including in Nguyen Dynasty's Cultural heritage, the author provides some proposes/orientations for preservation in association with sustainable development.

Key words: Nguyen Dynasty's Cultural Heritage; preservation; sustainable development.

1. Di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn

1.1. Di sản văn hóa vật thể

Ngày 11/12/1993, Hội nghị lần thứ 17 của Ủy ban Di sản Thế giới họp tại Cartagena (Colombia) đã ghi danh khu di tích Cố đô Huế là di sản văn hóa thế giới, với việc đáp ứng các tiêu chí (iii): "Huế thể hiện là một bằng chứng nổi bật của quyền lực phong kiến Việt Nam đã mất mà đỉnh cao của nó vào đầu thế kỷ XIX"; và, (iv): "Quần thể di tích Huế là một ví dụ nổi bật của một kinh đô phong kiến phương Đông".

Các tiêu chí trên được thể hiện ở chỗ: Quy hoạch của Cố đô Huế phù hợp với triết lý cổ phương Đông và thể hiện sự tôn trọng, gắn kết với những đặc điểm tự nhiên vốn có. Núi bao quanh, với sông chảy ở trung tâm, len lỏi vào tận giữa chốn hoàng cung. Yếu tố phong thủy được tìm thấy trong mọi công trình xây dựng, từ thành lũy tới cung điện, từ lăng tẩm tới đền, miếu, từ phủ, đệ tới dinh thự, công sở... và vô vàn công trình khác.

Cụm di tích quan trọng nhất là khu vực kinh thành Huế. Bên trong kinh thành không chỉ có các công trình mang chức năng hành chính và quân sự

của vương triều mà còn có hoàng thành, Tử Cấm thành và các cung điện hoàng gia có liên quan (thuộc khu vực Đại nội).

Bên trong Đại nội có:

- Khu vực từ cửa Ngọ môn đến điện Thái Hòa: đây là nơi cử hành các cuộc đại lễ của triều đình, như: Lễ Đăng quang, lễ Vạn thọ (sinh nhật vua), lễ Nguyên đán, lễ Duyệt binh... và lễ Đại triều mỗi tháng hai lần.

- Khu vực các miếu thờ: gồm Triệu miếu, Thái miếu, Hưng miếu, Thế miếu và điện Phụng Tiên (nay đã là phế tích) là nơi thờ các vua, chúa nhà Nguyễn. Tại đây, ngoài 5 tòa miếu điện chính, còn có khoảng 30 công trình kiến trúc phụ thuộc.

- Khu vực cung Diên Thọ và cung Trường Sanh: mỗi cung có một tòa điện chính ở giữa và hơn 10 tòa nhà phụ ở xung quanh. Đây là nơi dành riêng cho Hoàng thái hậu (mẹ vua) và Thái Hoàng thái hậu (bà nội của vua) ăn, ở.

- Khu vực phủ Nội vụ: đây là các nhà kho tàng trữ đồ quý, các xưởng thủ công mỹ nghệ chế tạo đồ vàng, bạc, ngọc ngà, gấm vóc... cho triều đình và hoàng gia sử dụng.

- Khu vực vườn Cơ Hạ và điện Khâm Văn: nơi học tập và chơi đùa của các Hoàng tử và Hoàng nữ khi chưa xuất phủ.

* Cục trưởng Cục Di sản văn hóa

- Khu vực Tử Cấm thành (cung thành): khu vực quan trọng nhất so với các khu vực còn lại, bên trong có các công trình dành cho nơi sinh hoạt của vua và hoàng gia.

Các công trình kiến trúc trong Đại nội đã bị phá hủy một phần, số còn lại đều đã có sửa chữa, cải tạo, thay đổi vị trí và trang trí nghệ thuật, nhưng chủ yếu vẫn giữ quy mô của thời Gia Long và Minh Mạng, với một số đặc điểm chủ yếu sau:

- Bố cục mặt bằng của hệ thống kiến trúc rất chặt chẽ, đăng đối.

- Việc xây dựng 5 ngôi miếu thờ lớn trong khu vực Đại nội ở những vị trí quan trọng đã thể hiện rõ nét đặc trưng của triều Nguyễn trong việc thực hành tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt.

- Về mặt mỹ thuật, cung điện Huế có phong cách kiến trúc riêng, với vật liệu chính là gỗ, các cung điện làm theo kiểu nhà kép, gọi là "trùng lương trùng thiềm". Trang trí nội, ngoại thất đều rất phong phú, bằng các đồ án hoa văn và chữ Hán trên các ô đặt xen kẽ nhau theo lối "nhất thi nhất họa", được chạm trổ tỉ mỉ, tinh tế. Những trang trí chạm khắc gỗ trên hệ thống liên ba, đồ bản, vì kèo, đầu cột,... cũng như nghệ thuật sơn son thếp vàng hoặc khảm/cắn xà cừ ở kiến trúc cung đình Huế là những tuyệt tác nghệ thuật của các nghệ nhân Việt Nam xưa, thể hiện phong cách mỹ thuật của một giai đoạn quan trọng trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XIX - XX.

- Các cụm công trình kiến trúc quan trọng của kinh thành Huế và cung đình đều được thiết kế gắn liền với yếu tố cảnh quan phong thủy, đặc biệt là hồ nước (hoặc sông, suối...), núi án, núi chầu... Những hình ảnh và địa danh nổi tiếng của Huế đã đi vào thơ ca, nhạc họa cũng chính là những yếu tố phong thủy của kiến trúc cung đình Huế, như sông Hương, núi Ngự Bình, cồn Hến, cồn Dã Viên...

1.2. Di sản văn hóa phi vật thể

Ngày 07/11/2003, Âm nhạc cung đình Huế: Nhã nhạc (triều Nguyễn) đã được Ủy ban Liên chính phủ Công ước 2003 của UNESCO ghi danh là kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại (nay là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại). Nhã nhạc bắt đầu xuất hiện vào thế kỷ XV, nhưng phải đến thời kỳ nhà Nguyễn mới phát triển rực rỡ và đạt đến trình độ uyên bác, trở thành một biểu tượng cho vương quyền về sự trường tồn, hưng thịnh của triều đại. Nhã nhạc, có ý nghĩa "âm nhạc tao nhã", là thể loại âm nhạc được trình diễn trong

cung đình Việt Nam vào các cuộc tế, lễ, gắn với các lễ kỷ niệm và những ngày lễ tôn giáo cũng như các sự kiện đặc biệt, như: lễ Đăng quang, lễ tang hoặc những dịp đón tiếp chính thức. Đại nhạc là dàn nhạc quan trọng trong hệ thống nhạc lễ cung đình Huế, được diễn tấu dưới các trình thức quan trọng trong các buổi lễ, thường được dùng trong các lễ tế, như: tế Nam Giao, tế Miếu, Đại triều,... Đây là dàn nhạc có âm lượng lớn, chủ yếu là dàn trống và kèn, kèm theo các nhạc cụ gỗ và hơi khác như: bồng, nã bạt (chũm chọe), mõ sừng trâu, trống cơm, kèn bầu, kèn lỗ và trong rất ít trường hợp là đàn nhị. So với Đại nhạc, dàn Tiểu nhạc có bài bản âm nhạc tương đối ổn định hơn và mang màu sắc trang nhã, vui tươi, thường được dùng trong các buổi yến tiệc của triều đình, trong các lễ Đại khánh, dịp tết Nguyên đán. Nhiều bài bản Tiểu nhạc còn có lời ca. Nhạc khí của Tiểu nhạc bao gồm: trống bản, nã bạt, mõ sừng trâu, phách tiền, tam âm la, trống chiến, sáo, đàn tam, nhị, tỳ bà và đàn nguyệt. Trong các bài bản trình diễn, người diễn viên phải hết sức tập trung để theo kịp và phối hợp nhịp nhàng với dàn nhạc và diễn viên khác tiến hành nghi lễ.

Vai trò của Nhã nhạc không chỉ giới hạn ở việc hòa nhạc phục vụ các nghi lễ, mà còn cho thấy là một phương tiện giao tiếp và thể hiện lòng tôn kính đối với thần linh và các vua chúa thời phong kiến, cũng như truyền tải được những tư tưởng triết lý và tri thức về vũ trụ của người Việt. Hệ thống nghi thức và lễ tế liên quan đến Nhã nhạc cũng là những di sản văn hóa phi vật thể có giá trị, tiêu biểu cho di sản văn hóa cung đình triều Nguyễn: lễ tế Xã Tắc, lễ tế Nam Giao, lễ Truyền lô, lễ Đại triều...

Bên cạnh đó, một bộ phận của kho tàng di sản văn hóa phi vật thể cung đình triều Nguyễn cũng đã được tư liệu hóa, để trở thành di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương:

- Mộc bản triều Nguyễn và Châu bản thời Nguyễn: là khối tài liệu đặc biệt quý hiếm, có giá trị về mặt nội dung, đặc tính về phương pháp chế tác và những quy định rất nghiêm ngặt của triều đình phong kiến về việc ấn hành và san khắc, những tài liệu này được coi là quốc bảo, chỉ những người có trách nhiệm và thẩm quyền làm việc tại Quốc Sử quán mới được tiếp xúc với chúng. Nội dung của khối tài liệu mộc bản và châu bản triều Nguyễn rất phong phú và đa dạng, phản ánh mọi mặt về xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn.



“Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo” - Trương Vung - Ảnh: Phan Thanh Hải

- Thơ văn trên kiến trúc cung đình triều Nguyễn: là một phong cách riêng trong trang trí kiến trúc cung đình. Hiện trên kiến trúc cung đình Huế còn 2.967 ô thơ văn chạm khắc, sơn thếp trên gỗ, 146 ô thơ văn viết tráng men pháp lam và 88 đơn vị ô học, câu đối, bài văn đắp ngỗ sành sứ. Hệ thống di sản thơ văn này thật sự là một bảo tàng sống động, độc đáo, riêng có về văn chương thời Nguyễn. Đây là những tác phẩm nghệ thuật vô giá, đồng thời là kho tàng sử liệu đồ sộ, chuyển tải những thông điệp lịch sử, văn hóa, tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc của một giai đoạn trong lịch sử cận đại Việt Nam.

Di sản văn hóa cung đình triều Nguyễn phong phú, đa dạng, tiếp nối mạch chảy của cha ông, hấp thu tinh hoa từ mọi miền, vươn tỏa hương sắc rộng khắp. Những di sản văn hóa ấy là bộ phận vô giá của kho tàng di sản văn hóa Việt Nam.

2. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cung đình triều Nguyễn

Di sản văn hóa cung đình triều Nguyễn nói riêng và di sản văn hóa Huế nói chung là nguồn tài nguyên văn hóa, sản phẩm văn hóa vô cùng giá trị, cung cấp cho Huế loại hình dịch vụ văn hóa có sức hấp dẫn, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch - văn hóa, một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Việc bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa cung đình triều Nguyễn cần được triển khai đồng bộ, trên các lĩnh vực di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và cảnh quan thiên nhiên. Tại Quyết định số 848/QĐ-TTg ngày 07/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định rõ quan điểm: “bảo tồn, phát huy giá trị di tích Cố đô Huế phải thực hiện đồng thời, đồng bộ trên cả ba lĩnh vực, là di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa cảnh quan đô thị và thiên nhiên”.

Trong những năm qua, hàng chục công trình có quy mô lớn từ Đại nội tới thành quách, lăng tẩm và hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi di tích đã được tu bổ. Việc triển khai các dự án tu bổ được thực hiện bảo đảm quy trình, đáp ứng các nguyên tắc khoa học về bảo tồn di tích. Nhiều dự án có nội dung phức tạp được triển khai sau nhiều lần tổ chức hội thảo xin ý kiến các nhà khoa học ở Trung ương và địa phương. Các chuyên gia của UNESCO và nhiều tổ chức quốc tế khác đã tham gia giám sát hoặc kiểm tra các dự án này đều có những đánh giá tích cực. Bên cạnh đó, đội ngũ những người làm tư vấn thiết kế, tư vấn thi công, cũng như công nhân lành nghề có nhiều cơ hội để cùng với những người quản lý “sát hạch” trình độ chuyên môn của mình ở nhiều phương diện và điều đó giúp cho việc nâng

cao trình độ chuyên môn của mỗi cá nhân, góp phần vào việc hình thành đội ngũ những người làm công tác tu bổ di tích ngày càng vững về chuyên môn, đông đảo về số lượng.

Bên cạnh đó, việc bảo tồn cảnh quan của Cố đô Huế cũng được tạo điều kiện về kinh phí thực hiện, như: tu bổ Hộ thành hào, nạo vét sông Ngự hà, di dời gần 500 hộ dân sống ở các khu vực quan trọng của di tích; gần đây, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế cũng đã chuẩn bị các dự án để tu bổ các điểm di tích có nhiều không gian thiên nhiên rộng lớn, như vườn Thiệu Phương, hồ Học Hải... Tuy nhiên, việc tôn tạo cảnh quan khu vực Đại nội cần được quan tâm hơn nữa trong những năm tới.

Đối với di sản văn hóa phi vật thể, nhiều chương trình nghiên cứu về Nhã nhạc, về lễ hội cung đình, về di sản Hán Nôm... đã được triển khai hiệu quả. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã hoàn thiện Dự án bảo tồn Nhã nhạc dưới sự tài trợ của UNESCO giai đoạn 2005 - 2009, đưa Nhã nhạc vào biểu diễn chính thức tại Festival Huế và liên tục tổ chức các hội nghị, tọa đàm quốc tế về Nhã nhạc (1997 - 2000), các hội thảo quốc tế về âm nhạc cung đình Huế - Nhã nhạc (2002); việc bảo tồn, nghiên cứu bài bản, phục chế trang phục trong biểu diễn Nhã nhạc... cũng được triển khai. Ngoài ra, Dự án Đào tạo về Nhã nhạc tại Trường Đại học Nghệ thuật Huế (1996) cũng được thực hiện với kết quả được đánh giá cao, đào tạo được nhiều nghệ nhân và nhạc công cho loại hình di sản này. Trong tương lai, việc củng cố và mở rộng các chương trình biểu diễn, giao lưu nghệ thuật truyền thống và cung đình với các nước trong khu vực và trên thế giới (Hàn Quốc)... cũng sẽ được triển khai, nhằm bảo tồn và phát huy rộng rãi giá trị những di sản văn hóa phi vật thể này.

Đối với một di sản văn hóa thế giới, hàm chứa những giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và tư liệu đã được UNESCO ghi danh, lại mang tính chất cung đình rất điển hình cho một triều đại trong lịch sử của Việt Nam, di sản văn hóa cung đình triều Nguyễn, lẽ đương nhiên, phải/cần được bảo tồn theo hướng phát triển bền vững, đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển theo đúng tinh thần Công ước 1972 của UNESCO. Để làm được điều đó, cần có những định hướng và hành động cụ thể:

- Nâng cao nhận thức và tạo nên một nhận thức chung về trách nhiệm bảo vệ giá trị di sản từ người dân, chính quyền các cấp, các ngành; làm

sao để việc bảo vệ di sản phải trở thành mối quan tâm chung và có sự tham gia mạnh mẽ của cộng đồng vào việc hoạch định và thực thi các chính sách, kế hoạch...;

- Tiếp tục khai thác các loại hình nghệ thuật, trang phục, ẩm thực, nghề thủ công... truyền thống và khai thác các yếu tố truyền thống khác thông qua mọi hoạt động, bao gồm cả sáng tạo, sản xuất, kinh doanh...; phải đa dạng hơn nữa các dịch vụ phục vụ khách tham quan thông qua việc nghiên cứu, sáng tạo các sản phẩm văn hóa mới từ trình diễn tới ẩm thực, sản xuất đồ lưu niệm...;

- Nâng cao năng lực quản lý thông qua việc kiện toàn bộ máy trông coi, bảo vệ di sản theo hướng giữ vững vai trò quản lý chủ đạo của nhà nước vì lợi ích chung của cộng đồng; sẵn sàng mở rộng sự hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong việc khai thác di sản trên quan điểm phát triển bền vững; đẩy mạnh xã hội hóa với sự tham gia, hợp tác chặt chẽ của các doanh nghiệp, nhằm sáng tạo ra nhiều hơn nữa các sản phẩm có chất lượng nhưng vẫn giữ gìn tốt di sản để biến những giá trị vô hình của di sản thành giá trị hữu hình của cả xã hội;

- Tăng cường tham vấn khoa học để duy trì và nâng cao chất lượng của các dự án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; việc xây dựng các chiến lược phát triển, các quy hoạch, đề án, dự án ở bất cứ lĩnh vực nào cũng cần ưu tiên việc bảo tồn di sản;

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong ứng xử với di sản và với cộng đồng sở hữu/sống trong khu di sản; cần có sự lắng nghe, tổng hợp các ý kiến cả thuận chiều và trái chiều để nâng cao trình độ của các nhà quản lý và những tổ chức tư vấn, giải đáp, trao đổi một cách có trách nhiệm, cũng như kịp thời bổ sung, hoàn chỉnh, hoàn thiện để đạt được sự đồng thuận của cộng đồng;

- Củng cố mối quan hệ giữa những người làm công tác bảo tồn với cộng đồng địa phương và học sinh, sinh viên trên địa bàn cũng như khách du lịch để có thể cùng tham gia vào công cuộc bảo tồn di sản văn hóa cung đình triều Nguyễn./

N.T.H

Tài liệu tham khảo:

1- Kế hoạch quản lý quần thể di tích Cố đô Huế giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến 2030 của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế.

(Ngày nhận bài: 09/11/2016; ngày phản biện đánh giá: 12/11/2016; ngày duyệt đăng bài: 14/11/2016).